

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YL
TỈNH PT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 6 năm 2021
V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL- TỈNH PT**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn M.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Thâm Văn M
- Ông Phùng Duy N

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cán Trường Tr – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Y l, tỉnh P t.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh H, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y l, tỉnh P t xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/TLST/HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Đinh Thị N, sinh năm 1998. Có đơn xin xử vắng mặt.

Trú quán: Khu Đ ph, xã Đ l, huyện Y l, tỉnh P t.

- *Bị đơn:* Anh Trần Cao K, sinh năm 1989. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Khu Đ ph, xã Đ l, huyện Y l, tỉnh P t.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày: Chị và anh Trần Cao K tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ l, huyện Y l, tỉnh P t vào ngày 11/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đ l, huyện Y l cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu kết hôn thì hòa thuận nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: chị thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, xảy ra bất đồng quan điểm trong làm ăn, sinh hoạt, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị đã cố gắng để khắc phục và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hiện tại vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 5/2019 đến nay. Nay chị N xin được ly hôn anh K để ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Trần Cao K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến để giải quyết vụ án nhưng anh K không đến để làm việc và cũng không có văn bản, tài liệu nào gửi cho Tòa án để thể hiện quan điểm của mình trong vụ án này.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng không có con chung nên chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị N trình bày: vợ chồng không có tài sản gì chung, không ai có tài sản riêng; không vay nợ và không cho ai vay nợ tài sản gì; không ai có công sức gì nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, anh K vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo về việc mở phiên tòa theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được xét xử theo quy định tại khoản 3, Điều 228 BLTTDS. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Trần Cao K.

Các mối quan hệ khác: Con chung, Tài sản chung, công nợ, công sức do các bên đương sự không yêu cầu và không có quan điểm giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này;

Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị N, anh K để hòa giải đúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh K vắng mặt không có lý do. Đã cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định của BLTTDS.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu hành chính và chính quyền địa phương nơi anh K, chị N sinh sống. Chính quyền địa phương và khu dân cư xác nhận: Về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống khu dân cư và bà Hào mẹ đẻ anh K xác nhận: giữa chị N và anh K đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Bà Hào có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N, anh K ly hôn vì mâu thuẫn giữa hai anh chị đã quá trầm trọng. Việc Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tiến hành tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, do anh K đi vắng chính quyền địa phương đã tổng đạt cho bà Hào, bà Hào đã nhận và đã thông báo cho anh K biết, anh K có quan điểm và thông tin cho bà Hào là anh nhất trí ly hôn với chị N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Cao K tự nguyện kết hôn, Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ 1, huyện Y 1, tỉnh P t 11/10/2017. Đây là một hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của chị N và kết quả xác minh xác định: Chị N và anh K trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh những mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, anh K không tập chung chăm lo xây dựng gia đình, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Thực tế từ tháng 5 năm 2019 vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Khi tòa án giải quyết đơn ly hôn, triệu tập hai vợ chồng đến trụ sở Tòa án nhân dân để tiến hành hòa giải, mặc dù biết nhưng anh K không đến tòa án để giải quyết. Xét

thấy:Việc chị N xin ly hôn anh K là có căn cứ, đúng với thực tế và phù hợp với khoản 1 điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập anh K nhiều lần đến để giải quyết, nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lí do nên vụ án phải được xét xử vắng mặt anh K theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng không có con chung không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị N trình bày: vợ chồng không có tài sản gì chung, không ai có tài sản riêng; không vay nợ và không cho ai vay nợ tài sản gì; không ai có công sức gì, chị không đề nghị giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án anh K vắng mặt không có quan điểm giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1,Điều 56 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4,Điều 147; điểm b,khoản 2,Điều 227, Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị N được ly hôn anh Trần Cao K.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận chị N đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A/A/2020/ 000 4506 ngày 29/ 03 /2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y l, tỉnh P t. Chị N đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Đinh Thị N và anh Trần Cao K vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án sơ thẩm tại UBND nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y l;
- Chi cục THADS huyện Y l;
- UBND xã Đ l, Y l;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn M